

Số: 505/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 683/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 08 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Ông C.X.P**, sinh năm 1950; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 6 ngõ 1002 Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

- **Bà N.T.M.T**, sinh năm 1956; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 6 ngõ 1002 Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông C.X.P và bà N.T.M.T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 06 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, tuy vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay ông C.X.P và bà N.T.M.T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: ông C.X.P và bà N.T.M.T có 03 con chung là C.X.M (nam) sinh ngày 31/10/1981; C.X.Q (nam) sinh ngày 26/4/1983 và C.X.T (nữ)

sinh ngày 01/6/1990. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung: ông C.X.P và bà N.T.M.T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: ông C.X.P và bà N.T.M.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: ông C.X.P tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông C.X.P và bà N.T.M.T

- Về con chung: ông C.X.P và bà N.T.M.T có 03 con chung là C.X.M (nam) sinh ngày 31/10/1981; C.X.Q (nam) sinh ngày 26/4/1983 và C.X.T (nữ) sinh ngày 01/6/1990. Ly hôn, các con đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung: ông C.X.P và bà N.T.M.T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: ông C.X.P và bà N.T.M.T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông C.X.P tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014697 ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My